

KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM

LÊ MINH QUỐC

Tập 1

# CÁC VỊ TỔ NGÀNH NGHỀ VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

# CÁC VỊ TỔ NGÀNH NGHỀ VIỆT NAM

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

**Lê Minh Quốc**

Các vị tổ ngành nghề Việt Nam / Lê Minh Quốc. - Tái bản có chỉnh sửa, bổ sung. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009.

208tr. : tranh ảnh, hình vẽ ; 24cm. - (Kể chuyện danh nhân Việt Nam; T.1)

1. Danh nhân -- Việt Nam. 2. Nghề nghiệp -- Việt Nam -- Lịch sử. 3. Nghề thủ công -- Việt Nam -- Lịch sử. I. Ts. II. Ts: Kể chuyện danh nhân Việt Nam.

959.7092 -- dc 22

L433-Q16

KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM



LÊ MINH QUỐC

# CÁC VỊ TỖ NGÀNH NGHỀ VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

HOAN NGHÊNH BẠN ĐỌC GÓP Ý PHÊ BÌNH  
NHÀ XUẤT BẢN TRẺ  
161b Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 9316211 - 8465595 - 8465596 - 9316289  
Fax: 84.8.8437450  
E-mail: [nxbtre@hcm.vnn.vn](mailto:nxbtre@hcm.vnn.vn)  
Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

## Lời nói đầu

“**Các vị tổ ngành nghề Việt Nam**” là tập sách mở đầu cho bộ sách nhiều tập **KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM** do nhà thơ Lê Minh Quốc biên soạn. Tập sách này đã được tái bản nhiều lần. Nay theo yêu cầu của độc giả, chúng tôi sắp xếp, bổ sung thêm nhiều tư liệu, hình ảnh trong điều kiện có thể để phục vụ tốt hơn nữa. Khi thực hiện bộ sách này, chúng tôi mong muốn giúp cho bạn đọc – nhất là thanh thiếu niên – hiểu được sự hình thành của các ngành nghề và thấm nhuần công đức của các danh nhân đã có nhiều đóng góp trong các ngành nghề truyền thống. Đây là điều cần thiết trên hành trình “về nguồn” để chúng ta cùng tự hào, hãnh diện với những tên tuổi gắn liền với một ngành nghề nhất định.

Chúng tôi tin rằng, bạn đọc sẽ cùng chia sẻ và đồng tình với chúng tôi về suy nghĩ mà Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã phát biểu nhân Giỗ Tổ Hùng Vương năm 1969: *“Trong nhiều truyền thống tốt đẹp, dân tộc Việt Nam ta luôn giữ vững một truyền thống có ý nghĩa hay và đẹp vô cùng: tưởng nhớ tổ tiên, tưởng nhớ những người đã có công lớn trong việc dựng nước và giữ nước. Trong phạm vi của một tập thể nhỏ là làng xóm, bao gồm nhiều họ, nhiều gia đình, cũng như trong phạm vi cả nước, dân tộc Việt Nam ta, trong đời sống tinh thần, đời sống tư tưởng và đời sống của mình đều gắn liền hiện tại với quá khứ, quê hương nhỏ với Tổ quốc và dân tộc, từ đó mà giữ vững và phát huy những đức tính cổ truyền tốt đẹp: lòng yêu nước, tình đoàn kết, chí kiên cường, bất khuất, niềm tin sâu xa và mạnh mẽ vào tài năng của mình”*. Thiết nghĩ, đã là

người Việt Nam chúng ta không thể không biết đến công đức trời biển các vị Vua Hùng đã công dựng nước và Tứ bất tử Việt Nam rất gắn bó trong tâm thức dân gian, do đó, chúng tôi đặt lên đầu bộ sách.

Khi khảo sát các ngành nghề truyền thống, ta cần hiểu rằng, không phải chỉ khi có vị Tổ truyền nghề thì ở nước Nam ta mới có nghề ấy. Mà thật ra ngay từ thuở bình minh dựng nước, tổ tiên ta đã biết thành thạo các ngành nghề ấy. Đã đành các vị Tổ là người có công dạy nghề cho dân, nhưng những người thợ tài hoa có công cải tiến nghề, đem lại lợi ích cho cộng đồng thì cũng được tôn vinh là tổ nghề. Giáo sư Vũ Ngọc Khánh hoàn toàn có lý khi khẳng định: *“Tổ nghề (tổ sư hay thánh sư) không nhất thiết là con người thực, do đó, gạt bỏ những nhân vật huyền thoại, là không đúng với thực tế, nhất là sự thực ở tấm lòng và ở cảm quan thẩm mỹ của người dân”*. Có một số ngành nghề gắn liền với thần thoại hoặc cùng một nghề nhưng mỗi địa phương lại thờ các Tổ khác nhau, cũng có những nghề mà người ta không rõ Tổ của mình là ai v.v... Phần lớn các ngành nghề truyền thống đề cập trong trang sách này như: nghề mộc, nghề thêu, nghề hát xẩm, hát ả đào, nghề in, nghề kim hoàn, nghề dệt chiếu, nghề đúc đồng, nghề dệt... không phải mới ra đời từ thời ông Tổ đó – mà có thể đã có trước đó rất lâu. Vậy tại sao làng nghề lại chọn người đó làm Tổ của nghề? Đây là điều hết sức thú vị và cũng phản ánh rõ nét đạo lý của người Việt là luôn biết ơn cả những vị đã góp phần nâng cao, cải tiến nghề nghiệp của mình để năng suất ngày một hiệu quả hơn. Và đúng như sự phân tích của Giáo sư Vũ Ngọc Khánh: *“Việc thờ phụng các Tổ ngành nghề (người thực hay nhân vật huyền thoại) thật ra là cốt để khẳng định, tôn vinh ngành nghề ấy. Một ngày giỗ Tổ, một dịp hội hè, cũng là một bằng chứng cụ thể để thấy vị trí của ngành nghề trong cuộc nhân sinh và “Ngày giỗ Tổ bao giờ cũng là dịp “trình nghề”. Không phải sự trình nghề chung, đồng loạt như ta thấy ở hội lễ nông nghiệp, mà thật sự là một cố gắng giới thiệu những thành tựu của nghề. Những thành tựu ấy ít nhiều có liên quan đến vị Tổ sư và gọi ra nhiều suy nghĩ”*.

Tiếc thay, công đức của các Tổ ngành nghề ấy, trải qua bao thăng trầm lịch sử chưa được ghi lại thật đầy đủ. Chính vì thế, dù có tham vọng muốn đề cập thêm một số ngành nghề cần tìm hiểu, nhưng do tư liệu còn quá mỏng nên chúng tôi xin trở lại vào một dịp thuận lợi hơn.

Trong quá trình biên soạn chúng tôi tham khảo nhiều tư liệu và sử dụng khá nhiều hình ảnh minh họa – nhằm giúp cho bạn đọc hiểu rõ hơn về ngành nghề đó. Ảnh minh họa chủ yếu được sử dụng theo tranh khắc gỗ của Henri Oger – cựu sinh viên trường Đại học Sorbonne – thực hiện đầu thế kỷ XX, (cụ thể là những 1908-1909 tại Hà Nội), báo ảnh Việt Nam, kể cả một số ảnh sưu tập trên internet mà chúng tôi không rõ tác giả. Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến với các tác giả tập sách, tác giả ảnh đã thực hiện nhằm giúp cho chúng tôi thuận lợi hơn về mặt tư liệu khi biên soạn.

Để bộ sách thật sự hữu ích cho người đọc – nhất là các bạn thanh thiếu niên – và ngày một hoàn hảo hơn, chúng tôi rất mong được sự chỉ giáo, giúp đỡ chân tình của các học giả uyên bác, của các nhà sử học và của các bạn đọc xa gần. Trước hết xin độc giả nhận ở đây sự biết ơn sâu xa của chúng tôi.

**NHÀ XUẤT BẢN TRẺ**





## VUA HÙNG

*Biểu tượng sự đoàn kết,  
thống nhất của dân tộc Việt*

*Cõi Nam riêng một góc trời  
Hùng Vương gầy dựng đời đời nghiệp vua  
Phong Châu là chốn kinh đô  
Chia mười lăm bộ bản đồ mệnh mông  
Trưng Rong lại nở ra Rong  
Ngàn con muôn cháu vốn dòng Lạc Long  
Cây kia ăn quả ai trồng  
Sông kia nước uống hỏi dòng từ đâu?  
Quân thần hai chữ trên đầu  
Hiếu trung hai chữ dãi dầu lòng son  
Ba tòa chót vót đầu non  
Ngàn thu sừng bái vẫn còn khói hương  
Bụi hồng mấy cuộc tang thương  
Bia xanh còn đó, khoán vàng còn đây  
Trời cao bể rộng đất dày  
Sông Thao, núi Tản chốn này còn ghi  
Bốn bề cây cỏ xanh rì  
Nhìn xem phong cảnh khác gì Đào Nguyên  
Đường mây sẵn bậc bước lên  
Rõ ràng lãng miếu mẹ Tiên, cha Rong...*

Bài Chúc phúc Hội Đền Hùng này ra đời trong những năm đầu

thế kỷ XX, nay đọc lại vẫn còn xúc động. Tác giả là ai? Không rõ. Chỉ biết nó được truyền miệng từ đời này qua đời khác.

Còn có câu ca dao mộc mạc, chân tình, ghi sâu vào trí nhớ của nhiều thế hệ:

*Dù ai đi ngược về xuôi  
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba  
Khắp miền truyền mãi câu ca  
Nước non vẫn nước non nhà ngàn năm*

Dựa vào truyền thuyết dân gian và chính sử của các triều đại trước, nhà giáo, nhà sử học Trần Trọng Kim đã viết về nước ta thời thượng cổ như sau:

*“Họ Hồng Bàng:* Cứ theo tục truyền thì vua Đế Minh là cháu ba đời của vua Thần Nông, đi tuần thú phương Nam đến núi Ngũ Lĩnh (thuộc tỉnh Hồ Nam bây giờ) gặp một nàng tiên, lấy nhau, đẻ ra người con tên là Lộc Tục. Sau Đế Minh truyền ngôi lại cho Lộc Tục làm vua phương Nam, xưng là Kinh Dương Vương, quốc hiệu là Xích Quỷ.

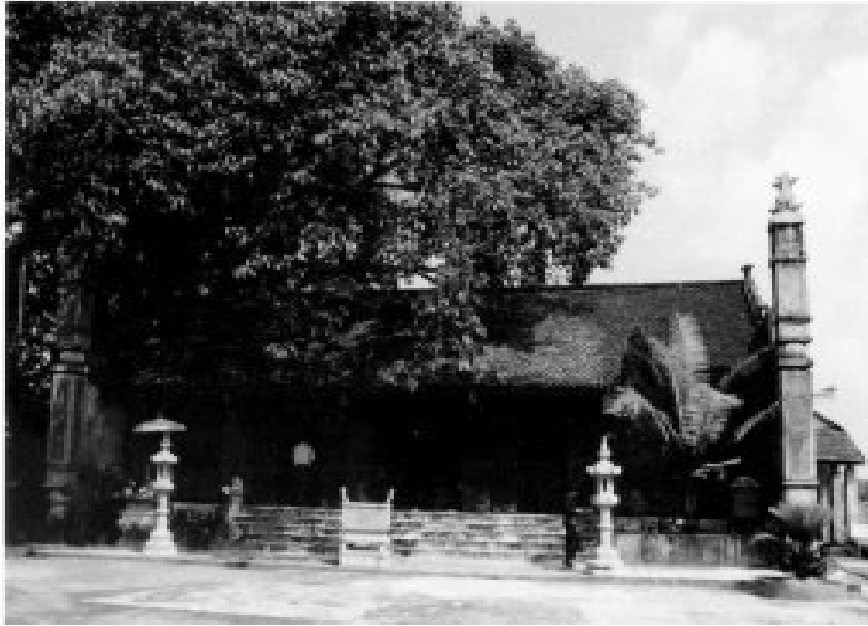
Bờ cõi nước Xích Quỷ bấy giờ phía bắc giáp Động Đình Hồ (Hồ Nam), phía nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía tây giáp Ba Thục (Tứ Xuyên), phía đông giáp bể Nam Hải.

Kinh Dương Vương làm vua nước Xích Quỷ vào quãng năm Nhâm Tuất (2879 trước Tây Lịch?) và lấy con gái Động Đình Quân là Long Nữ đẻ ra Sùng Lãm, nối ngôi làm vua, xưng là Lạc Long Quân.

Lạc Long Quân lấy con gái vua Đế Lai tên là Âu Cơ, đẻ một lần được một trăm người con trai. Lạc Long Quân bảo Âu Cơ rằng: “Ta là dòng dõi Long Quân, nhà người là dòng dõi thần tiên, ăn ở lâu với nhau không được; nay được trăm con thì nhà người đem 50 đứa lên núi, còn 50 đứa ta đem xuống bể Nam Hải”.

*Nước Văn Lang:* Lạc Long Quân phong cho người con trưởng sang làm vua nước Văn Lang, xưng là Hùng Vương. Cứ theo sử cũ thì nước Văn Lang chia ra làm 15 bộ:

TẬP 1: CÁC VỊ TỔ NGÀNH NGHỀ VIỆT NAM



Đền thờ Kinh Dương Vương



Bức tượng thờ  
Quốc Mẫu Âu Cơ  
được tạo tác từ thời Lê



Các tập tục dân gian của người Việt cổ  
được mô phỏng lại trong ngày  
Lễ hội giỗ Tổ Âu Cơ



Đền thờ Quốc Mẫu Âu Cơ  
ở Hạ Hòa, Phú Thọ



Lễ giỗ Mẹ Âu Cơ tại Thành phố Hồ Chí Minh

1. Văn Lang (Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên)
2. Châu Diên (Sơn Tây)
3. Phúc Lộc (Sơn Tây)
4. Tân Hưng (Hưng Hóa - Tuyên Quang)
5. Vũ Định (Thái Nguyên - Cao Bằng)
6. Vũ Ninh (Bắc Ninh)
7. Lục Hải (Lạng Sơn)
8. Ninh Hải (Quảng Yên)
9. Dương Tuyên (Hải Dương)
10. Giao Chỉ (Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình)
11. Cửu Chân (Thanh Hóa)
12. Hoài Hoan (Nghệ An)
13. Cửu Đức (Hà Tĩnh)
14. Việt Thường (Quảng Bình, Quảng Trị)
15. Bình Văn (?)

Hùng Vương đóng đô ở Phong Châu (bây giờ ở vào địa hạt huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên), đặt tướng văn gọi là Lạc Hầu, tướng võ gọi là Lạc Tướng, con trai vua gọi là Quan Lang, con gái vua gọi là Mị Nương, các quan nhỏ gọi là Bồ Chính. Quyền chính trị thì cứ cha truyền con nối, gọi là Phụ Đạo.

Họ Hồng Bàng làm vua được 18 đời, đến năm Quý Mão (158 trước Tây lịch) thì bị nhà Thục lấy mất nước. Xét từ đời Kinh Dương Vương đến đời vua Hùng Vương thứ 18, cả thảy 20 ông vua.

Từ năm 1969, Hội Sử học Việt Nam bắt đầu nghiên cứu về đề tài Hùng Vương; công việc kéo dài tiếp tục trong các năm 1961-1963 và 1966-1970. Các nhà nghiên cứu hàng đầu của Việt Nam đã vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học tổng hợp và có ý niệm chung là văn hóa thời Hùng Vương phát triển qua 4 giai đoạn lớn: giai đoạn Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Muôn và Đông Sơn. Viện trưởng Viện Khảo cổ học Phạm Huy Thông cho biết: *Địa bàn của văn hóa Đông Sơn chính là địa bàn mà sử sách nói về 15 bộ (hay 15 bộ lạc) của*

nước Văn Lang và trung tâm xuất phát văn hóa Đông Sơn, chính là vùng hợp lưu các sông Thao - sông Hồng, sông Đà, sông Lô, nơi văn hóa Phùng Nguyên đậm nét, nơi sử sách và truyền thuyết nhớ là đất tổ Phong Châu, trung tâm nước Văn Lang của các vua Hùng”.

Đến với truyền thuyết về thời đại Hùng Vương là ta đến với tâm linh của nguồn cội, của tình cảm gắn bó máu thịt “nước non vẫn nước non nhà”, của đồng bào “máu chảy ruột mềm”,... Tình cảm



Trống đồng thời các vua Hùng



Hải điều bay mừng khi thuyền về  
(trên trống đồng thời các vua Hùng)



Hình người già cỡi trên trống đồng



Rìu bằng đồng thời vua Hùng



Nhạc sĩ thổi khèn trên trống đồng

ấy bất biến, tồn tại trường cửu như sức sống của cả một dân tộc có hơn 4.000 năm văn hiến.

Khu di tích Đền Hùng thuộc thôn Cổ Tích - xã Hy Cương - huyện Lâm Thao (Phú Thọ) – cách trung tâm thành phố Việt Trì 7km về phía Bắc, cách thủ đô Hà Nội 90km. Đền Hùng được xây dựng trên núi Hùng – còn gọi là núi Cả theo tiếng địa phương, (hay còn có nhiều tên gọi khác nhau như Nghĩa Lĩnh, Nghĩa Cương, Hy Cương, Hy Sơn, Bảo Thiếu Lĩnh, Bảo Thiếu Sơn...), thuộc đất Phong Châu – vốn là đất kế đô của Nhà nước Văn Lang hơn 4.000 năm trước đây.

Cổng đền được xây dựng vào năm 1917, có khắc bức đại tự “*Cao sơn cảnh hành*”. Riêng 4 chữ này nên hiểu như thế nào? Đã có cuộc tranh luận rất thú vị. Theo ông Lê Trung Việt thì Viện Hán Nôm dịch “*Núi cao đường lớn*” là chưa đúng, phải dịch là “*Núi cao cảnh đẹp*”. Không đồng ý, theo ông Nguyễn Lưu hai chữ “*Cảnh hành*” theo một từ điển là “*Đức hạnh cao minh*” – vì thế phải hiểu theo nghĩa “*Đức cao như núi*”. Cụ thể trong trường hợp này là dùng để ca ngợi đức cao cả của Tổ tiên, chứ không phải nhằm tả cảnh đẹp đền Hùng. Hai bên cổng đền còn có câu đối (Vũ Kim Biên dịch):

*Mở lối đắp nền, bốn mặt non sông quy một mối;  
Lên cao nhìn rộng, ngàn trùng đồi núi tựa bày con.*

Từ cổng đền, bước lên núi. Trước hết, ta thấy Nhà bia ghi công đức các vua Hùng. Tại đây có bia đá, ghi lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người về thăm Đền Hùng ngày 19-9-1954:

*“Các Vua Hùng đã có công dựng nước  
Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”*

Gần đó là đền Hạ, chùa Thiên Quang và gác chuông. Đền Hạ được xây dựng lại trên nền đất cũ vào thế kỷ XVII-XVIII. Tương truyền đây là nơi Bà Âu Cơ trở dạ sinh ra một bọc trứng nở thành 100 con trai. Dấu tích giếng “*Mắt Rồng*” là nơi mẹ Âu Cơ ấp trứng, nay còn ở phía sau đền. Hai tiếng “*đồng bào*” (cùng bọc) vì thế mà có. Hẳn chúng ta không thể quên những câu thơ thống thiết, mà



nhà giáo Ngô Quý Siêu đã viết để giảng dạy học trò từ thời Đông Kinh nghĩa thực:

*Đã sinh cùng giống, cùng nòi  
Cùng trong đất nước là người đồng thân  
Phải coi ruột thịt cho gần  
Phải thương, phải xót quây quần lấy nhau  
Phúc cùng hưởng, họa cùng đau  
Một gan một dạ ghi sâu chữ “đồng”  
May ra trời cũng xiêu lòng  
Đòi đòi để giống Lạc Hồng này cho  
Gió thu hiu hắt song hồ  
Sử xanh còn đó, địa đồ còn đây  
Mấy câu mượn bút giải bày  
Xin người trong nước non này cùng nghe*

Rời đền Hạ, lên đền Trung. Tương truyền, đây là nơi các Vua Hùng thường họp bàn việc nước với các Lạc hầu, Lạc tướng; cũng là nơi hoàng tử Lang Liêu dâng bánh dày, bánh chưng, được vua Hùng thứ 6 khen “bánh thì ngon, ý thì hay” và được nối nghiệp là Hùng Vương thứ 7.

Rời đền Trung, lên đền Thượng. Tương truyền là nơi các vua Hùng tiến hành các nghi thức cúng tế Trời đất, Thần lúa, thờ Thánh Gióng để muôn dân ấm no hạnh phúc, hưởng thái bình an lạc đời đời... Vì thế, đền Thượng vẫn còn gọi là Kính thiên Linh điện (điện thờ trời trên núi Nghĩa Lĩnh). Theo truyền thuyết dân gian, nơi này vua Hùng thứ 18 đã truyền ngôi lại cho cháu là Thục Phán. Để giữ lời thề giữ vững cơ nghiệp của vua Hùng, giữ vững non sông gấm vóc, Thục Phán cho dựng hai cột đá thề. Cột đá cao 1,3m, rộng 0,3m, hình vuông; năm 1968 Ty Văn hoá Vĩnh Phú tôn tạo lên bề như hiện nay. Tại đây còn có những bức hoành phi như *Hùng Vương linh tích* (vết tích thiêng liêng của Vua Hùng), *Hùng Vương tổ miếu* (Miếu tổ Hùng Vương), *Triệu tổ Nam bang* (Tổ muôn đời của nước Nam)... và nhiều câu đối chữ Hán, chữ Nôm như:

- *Vật đổi sao dời, phúc tổ vẫn lưu nền Cổ tích;  
Nước nguồn cây cội, đạo người nên nhớ mộ Hùng Vương.*
- *Con cháu ba kỳ thăm mộ Tổ;  
Non sông muôn thuở rạng non Tiên.*
- *Thần thánh mở cơ đồ, đến nay đất vẫn thế, dân vẫn thế;  
Công huân thờ đền miếu, đó là cây có gốc, nước có nguồn.*
- *Cung cũ Hồng Lạc còn đây, trùng điệp núi đồi nhiều sông  
hợp lại;  
Khí thiện Đế Vương vẫn đấy, thét gió mưa gào một ngọn núi  
đứng cao.*
- *Con cháu còn, tôn tổ vẫn còn, non sông nhà ta sinh sản mãi;  
Nắng mưa thế, miếu lẫm vẫn thế, non sông đất nước vững  
bền lâu.*

Lăng Hùng Vương tương truyền là mộ của Vua Hùng thứ 6 – nằm ở phía đông Đền Thượng, có vị trí đầu đội sơn, chân đạp thủy, mặt quay theo hướng Đông Nam. Tương truyền trước lúc lâm chung, ngài trấn trối: “Hãy chôn ta trên núi cao để ta trông nom bờ cõi cho con cháu”.

Từ đền Thượng đi xuống gần chân khu Đền Hùng, ta sẽ gặp đền Giếng, tên chữ là Ngọc Tỉnh – xây dựng vào thế kỷ XVIII. Tương truyền hai công chúa của vua Hùng là Tiên Dung (sau lấy Chử Đồng Tử), Ngọc Hoa (sau lấy Tản Viên) thường đến đây soi gương, chải tóc. Từ năm 2001, ta xây dựng thêm Đền thờ Mẹ Âu Cơ. Trong đền ngoài tượng thờ Mẹ Âu Cơ còn có hai Lạc hầu, Lạc tướng. Tiếp đó là Nhà bảo tàng Hùng Vương – nằm gần vị trí cổng lên Đền Hùng – được khởi công xây dựng vào năm 1996 và được khánh thành đúng ngày khai hội Đền Hùng năm 2003 do Tổng Bí thư Đỗ Mười cắt băng khánh thành. Bảo tàng có gần 700 hiện vật gốc trên tổng số hơn 4.000 hiện vật, 162 bức ảnh, khắc hoạ chủ đề tổng quát: “Các Vua Hùng dựng nước Văn Lang trên mảnh đất Phong Châu lịch sử”.

Có thể nói, Đền Hùng không chỉ là thắng cảnh đẹp, non nước hữu tình, mà còn là một di tích lịch sử – văn hóa đặc biệt quan trọng

*BỘ SÁCH KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM*

đối với người Việt Nam. “Thời kỳ Văn Lang, thời kỳ Hùng Vương là một giai đoạn rất trọng yếu của lịch sử Việt Nam. Chính thời kỳ này xây dựng nền tảng dân tộc Việt Nam, văn hóa Việt Nam và truyền thống tinh thần Việt Nam” (*Lịch sử Việt Nam*- NXB Khoa học Xã hội - 1971).



Đường lên Đền Hùng



Sơ đồ Đền Hùng hiện nay (2007)



Lễ giỗ Tổ Hùng Vương  
năm 1905



Đền Hùng  
tại Thành phố Hồ Chí Minh



Đền thờ vua Hùng  
của bà con Việt kiều ở Úc



Thờ cúng gia tiên - một phong tục văn hóa của người Việt Nam